**CÂU HỎI KHẢO SÁT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH (ĐTTM)**

**LĨNH VỰC AN NINH TRẬT TỰ - ĐÔ THỊ AN TOÀN**

*Đối tượng trả lời: Công an Tỉnh*

# **A. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI**

Họ và Tên: ………………………………………………………………………………….

Số điện thoại: ……………………………………………………………………………….

Email: ………………………………………………………………………………………

Cơ quan: ……………………………………………………………………………………

Chức vụ: ……………………………………………………………………………………

# **B. CÁC CÂU HỎI KHẢO SÁT**

## **I. Chiến lược, chính sách về ĐTTM**

1. Tỉnh đã có văn bản nào định hướng xây dựng Đô thị an toàn chưa?
2. Chưa có
3. Đã có nhưng ở bước định hướng của Sở và ở mức tổng quan
4. Đã có nhưng ở bước định hướng của Sở, có các chỉ số KPI, lộ trình và mốc thời gian thực hiện rõ ràng
5. Đã có, do Tỉnh ban hành nhưng chỉ ở mức tổng quan
6. Đã có, do Tỉnh ban hành, có các chỉ số KPI, lộ trình và mốc thời gian thực hiện rõ ràng
7. Về cam kết của Lãnh đạo trong định hướng xây dựng Đô thị an toàn, anh chị vui lòng trả lời những câu hỏi sau:

2.1. Lãnh đạo Tỉnh đồng thuận về đường lối xây dựng Đô thị an toàn như thế nào?

1. Cơ bản đồng thuận
2. Đồng thuận tuyệt đối, nhưng chưa tham gia việc thực hiện điều phối chiến lược nhiều tổ chức, đơn vị
3. Đồng thuận tuyệt đối và đã tham gia việc thực hiện điều phối chiến lược nhiều tổ chức, đơn vị

2.2. Tỉnh đã có đơn vị chính thức nào chịu trách nhiệm về quản lý dự án Đô thị an toàn hay chưa?

1. Có
2. Chưa có

2.3. Tỉnh đã có một Ban chỉ đạo chính quy tích cực hỗ trợ việc thực hiện chiến lược cùng đơn vị quản lý dự án về Đô thị an toàn chưa?

1. Có
2. Chưa có
3. Về định hướng xây dựng và triển khai các dự án cho ngành, vấn đề nguồn vốn, xin anh chị vui lòng trả lời các câu hỏi sau:

3.1. Việc xây dựng, báo cáo đầu tư cho một đề xuất dự án mới trong ngành đang được dựa trên các nguyên tắc nào? (chọn nội dung mà anh chị thấy phù hợp)

1. Không yêu cầu báo cáo, giải trình chi tiết, quyết định theo nhu cầu thực tế
2. Yêu cầu chỉ ra vấn đề cần giải quyết theo các cấp dự án, chủ yếu đánh giá theo tiêu chí cân đối chi phí hợp lý
3. Yêu cầu chỉ ra vấn đề chung giữa các dự án hoặc giữa các Sở ngành, việc đánh giá dựa trên kết quả về góc độ kinh tế và chất lượng sống
4. Có quy định, công cụ và quy trình chuẩn để đánh giá dự án đầu tư. Việc đánh giá dựa trên 3 góc độ: xã hội, môi trường và kinh tế
5. Bắt buộc áp dụng các quy định và quy trình chuẩn vào đánh giá dự án đầu tư.

Vui lòng diễn giải thêm ý kiến của anh chị cho đánh giá của mình (nếu có)

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

3.2. Định hướng phân bổ ngân sách của Tỉnh cho ngành? (chọn nội dung mà anh chị thấy phù hợp)

1. Tỉnh chưa có nguồn ngân sách cho các dự án của ngành
2. Tỉnh có một số nguồn ngân sách cho các dự án của ngành và quyết định dựa trên từng dự án
3. Tập thể lãnh đạo cân nhắc về một nguồn ngân sách hàng năm dành cho đổi mới, sáng tạo tầm Tỉnh cho ngành
4. Tỉnh có kế hoạch và dự thảo ngân sách theo giai đoạn tương đối bền vững (2 năm – 5 năm) cho các chương trình, dịch vụ hoặc cơ sở hạ tầng chung cho ngành theo các định hướng chung của Tỉnh
5. Tỉnh phân bổ ngân sách cho các chương trình, dự án của ngành dựa trên tác động đối với toàn Tỉnh, bao gồm thực hiện tính toán và phân tích Đề án dài hạn

Vui lòng diễn giải thêm ý kiến của anh chị cho đánh giá của mình (nếu có)

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

## **II. Quy trình triển khai**

1. Về hệ sinh thái các công ty, tổ chức tham gia cùng với chính quyền, vui lòng trả lời các câu hỏi sau

4.1. Đơn vị đã chủ động phát triển một hệ sinh thái về CNTT bao gồm: cơ quan chính quyền, giới học thuật, quỹ tài trợ, tổ chức phi lợi nhuận, các công ty dịch vụ công cộng và nhóm các doanh nghiệp xung quanh các vấn đề của ngành hay chưa?

1. Đang phát triển
2. Chưa có

Liệt kê một số thành phần tham gia (nếu có):………………………………………

4.2. Đã có văn bản nào quy định về mô hình hợp tác giữa các thành phần nói trên chưa?

1. Đã có
2. Chưa có

4.3. Đánh giá về sự tham gia của các thành phần nói trên vào việc khởi xướng đổi mới, sáng tạo hoặc dự án ĐTTM?

1. Tham gia vào hầu hết các hoạt động, có sự chủ động phối hợp cao với chính quyền
2. Tham gia ở mức độ trung bình, khi có yêu cầu của chính quyền
3. Tham gia hạn chế
4. Về vấn đề quản lý trong triển khai ứng dụng CNTT của ngành, vui lòng trả lời các câu hỏi sau:

5.1. Đơn vị đã ban hành những quy tắc, cách tiếp cận và khung thống nhất cho các ứng dụng CNTT trong ngành chưa?

* 1. Đã có
	2. Chưa có

5.2. Đánh giá về việc thực hiện theo định hướng, nguyên tắc xây dựng (nếu có)?

1. Chưa được thực hiện theo định hướng, nguyên tắc đặt ra
2. Đang thực hiện theo định hướng, nguyên tắc đặt ra
3. Về chỉ số đo lường, vui lòng đánh giá về bộ chỉ số đo lường trong triển khai ứng dụng CNTT của ngành?
4. Chưa chỉ ra KPIs cụ thể
5. Phương thức đo lường kém hoặc định tính
6. Xác định các chỉ tiêu KPIs một cách định lượng cho các đề xuất công nghệ mới
7. Đã lập được bộ chuẩn đo lường để đánh giá chất lượng tiến trình thực hiện, các kết quả phân tích, mức độ thành công của việc giải quyết các vấn đề
8. Quá trình đánh giá định lượng bằng KPIs được thực hiện liên tục, lặp lại và tiếp thu điều chỉnh

## **III. Văn hóa chính quyền trong xây dựng ĐTTM**

1. Quý đơn vị vui lòng cho ý kiến về văn hóa đổi mới, sáng tạo.

8.1. Quý đơn vị có chấp nhận, khuyến khích về sự tồn tại của văn hóa đổi mới, cải tiến trong lĩnh vực của mình trong việc áp dụng công nghệ

1. Không chấp nhận
2. Chấp nhận

8.2. Khi tiếp nhận một ý tưởng, đề xuất cải tiến về công nghệ, đơn vị sẽ xem xét và quyết định như thế nào

* 1. Trong nội bộ đơn vị
	2. Cùng xem xét với các đơn vị liên quan khác
	3. Đề xuất xem xét trên phạm vi toàn Tỉnh

8.3. Quý đơn vị có chấp nhận, khuyến khích mang tính định hướng đổi mới, cải tiến có sử dụng các nguồn lực bên ngoài khối chính quyền

* 1. Không
	2. Có

8.4. Quý đơn vị có các quy định, cơ chế khuyến khích mang tính định hướng đổi mới, cải tiến trong đơn vị

* 1. Không
1. Có

Vui lòng diễn giải thêm ý kiến của anh chị cho các đánh giá của mình (nếu có)

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

1. Ý kiến của anh chị về văn hóa khuyến khích, kết nối người dân trong triển khai ĐTTM

9.1. Các đơn vị thường giao tiếp với người dân thông qua các công cụ gì? (chọn nội dung mà anh chị thấy phù hợp)

1. Tiếp dân truyền thống
2. Website thông tin cố đinh, ít cập nhật
3. Có sử dụng mạng xã hội
4. Có sử dụng ứng dụng di động được cá nhân hóa
5. Cổng thông tin thiết kế cá nhân hóa

9.2. Đơn vị có công cụ phân tích dữ liệu người dân để hiểu nhu cầu không? (chọn nội dung mà anh chị thấy phù hợp)

1. Chưa có
2. Chỉ lưu trữ các thông tin cơ bản, người dân có thể lựa chọn các chủ đề quan tâm
3. Lưu giữ hành vi, thói quen và có công cụ phân tích nhu cầu, chủ động đề xuất

9.3. Đơn vị khuyến khích sự tham gia của người dân bằng cách nào

1. Chưa có, chính quyền chỉ cung cấp thông tin 1 chiều
2. Người dân được đóng góp ý kiến qua một số công cụ như mạng xã hội, cổng thông tin nhưng chưa được tiếp nhận, xử lý chính thức
3. Bất kỳ đóng góp nào của người dân đều được công khai, chính quyền công bố mọi thông tin đến phản hồi, xử lý với quy trình được công bố
4. Có chính sách khuyến khích người dân chủ động tham gia, đóng góp ý kiến vào các hoạt động
5. Ý kiến của người dân đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành các cơ chế hoạt động và các dịch vụ cung cấp ra của chính quyền

Vui lòng diễn giải thêm ý kiến của anh chị cho các đánh giá của mình (nếu có)

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

1. Ý kiến của anh chị về văn hóa minh bạch của chính quyền trong triển khai ĐTTM

10.1. Các thông tin về các kế hoạch, dự án, việc thu thập dữ liệu, quyền riêng tư có được công khai ra bên ngoài đơn vị không?

* 1. Không, chỉ báo cáo các cấp có thẩm quyền
	2. Có cung cấp thông tin, công bố rộng rãi

10.2. Có các quy định về thu thập dữ liệu, công bố dữ liệu, đảm bảo quyền riêng tư hay không?

* 1. Chưa có
	2. Đã có nhưng chưa cập nhật
	3. Đã có, liên tục được cập nhật, cải tiến

Vui lòng diễn giải thêm ý kiến của anh chị cho các đánh giá của mình (nếu có)

……………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………….

## **IV. Dữ liệu**

1. Quý đơn vị đang quản lý hoặc có nhu cầu sử dụng những cơ sở dữ liệu nào? Các cơ sở dữ liệu này đã tập trung tại trung tâm dữ liệu của đơn vị hay chưa?

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại Cơ sở dữ liệu (CSDL)** | **Có/****Không** | **Hệ quản trị CSDL** | **Năm đầu tư** | **Nơi lưu trữ** | **Nhu cầu nâng cấp, sửa đổi** |
| *Ví dụ:**CSDL về văn bản* | *Có* | *SQL Server* | *2016* | *Trung tâm dữ liệu của Tỉnh* | *Có, dự kiến năm 2018* |
| *CSDL dân cư* |  |  |  |  |  |
| *CSDL tội phạm* |  |  |  |  |  |
| *CSDL hộ khẩu, nhân khẩu* |  |  |  |  |  |
| *CSDL khác (vui lòng mô tả)* |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

1. Việc nhận dạng thông tin công dân tại các điểm tương tác thủ tục hành chính được thực hiện như thế nào?
2. Việc chứng thực thông tin cá nhân được thực hiện thủ công (bản cứng, giấy tờ...).
3. Đã sử dụng chứng thực điện tử những rời rạc, chưa đồng nhất (Mỗi thủ tục vẫn phải chứng thực 1 lần)
4. Một chứng thực điện tử được dùng để chứng thực cho nhiều thủ tục hành chính, dịch vụ (người dân chỉ cần chứng thực một lần cho nhiều thủ tục hành chính cùng lúc)
5. Đã có một kênh nhận dạng cá nhân điện tử liên ngành do nhà nước thiết lập dùng để quản lý chung việc nhận dạng.
6. Người dân có thể tra cứu, quản lý thông tin cá nhân, sử dụng thông tin này trong các giao dịch hành chính.
7. Hệ thống thu thập và quản lý dữ liệu được xử lý như thế nào?
8. Đơn vị chưa có hệ thống lưu trữ dữ liệu (lưu trữ bằng giầy tờ, sổ sách thủ công)
9. Đơn vị lưu trữ dữ liệu riêng lẻ ở máy tính cá nhân bằng excel, doc...
10. Đơn vị có hệ quản trị dữ liệu (MySQL, Oracle, SQL server, ...) phục vụ riêng ở từng đơn vị
11. Đơn vị có hệ quản trị dữ liệu được quản lý tập trung tại trung tâm lưu trữ dữ liệu của Tỉnh
12. Đơn vị có các hệ thống thu thập dữ liệu (lắng nghe mạng xã hội, báo chí, phản hồi của người dân, ...) và hệ thống lưu trữ dữ liệu đồng bộ, thống nhất.
13. Dữ liệu thông tin của ngành được thu thập và xử lý như thế nào?
	1. Dữ liệu thu thập chưa được xử lý, phân tích.
	2. Dữ liệu thu thập rời rạc, chủ yếu để phục vụ báo cáo, thống kê
	3. Dữ liệu được lưu trữ tập trung, hỗ trợ báo cáo thống kê
	4. Dữ liệu được quản lý tập trung, ngoài các báo cáo thống kê, còn có hệ thống đưa ra các dự báo, hỗ trợ ra quyết định
	5. Dữ liệu được quản lý tập trung, được tinh lọc có thể hình ảnh hóa trực quan, hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định hoặc nắm bắt xu thế phát triển trong tương lại của ngành
14. Việc khai thác và chia sẻ dữ liệu giữa các ban ngành (phòng/ban) đang được thực hiện như thế nào?
	1. Dữ liệu chỉ được sử dụng nội bộ ngành (phòng/ban), chưa được chia sẻ với các ban ngành (phòng/ban) khác
	2. Dữ liệu có được chia sẻ nhưng ở mức độ thủ công bằng giấy tờ, thông báo giấy.
	3. Dữ liệu được phân quyền, chia sẻ nội bộ phòng ban truy nhập, khai thác.
	4. Dữ liệu được chia sẻ, liên thông giữa các sở ban ngành chỉ với một số lĩnh vực, thông tin nhất định
	5. Dữ liệu được liên thông trong toàn Tỉnh, các ban ngành được phân quyền truy nhập, khai thác dữ liệu của tất cả các lĩnh vực phù hợp với chuyên ngành để xử lý công việc thuận tiên.
15. Việc triển khai dự án dữ liệu mở của ngành ở Tỉnh được thực hiện như thế nào?
	1. Ngành chưa có kênh chia sẻ dữ liệu (cổng thông tin Tỉnh, sở, ban, ngành...)
	2. Ngành có kênh chia sẻ dữ liệu cho người dân nhưng hạn chế ở mức: là các thông báo, bảng tin trên các cổng thông tin của Tỉnh
	3. Ngành đã có hệ thống quản lý dữ liệu mở cung cấp cho người dân tra cứu, tải thông tin về
	4. Ngành đã phát triển được hệ thống dữ liệu mở ngoài việc tra cứu, tải thông tin còn hỗ trợ các giao diện lập trình (API) giúp các nhà phát triển hoặc đối tác có thể lấy thông tin để phát triển các dịch vụ mới phục vụ cộng đồng
	5. Ngành đã có những ứng dụng của dữ liệu mở (do nhà phát triển, đối tác phát triển) đã và đang phục vụ cộng đồng cư dân (ứng dụng theo dõi vi phạm giao thông, thông tin tội phạm, khu vực an toàn, …)

## **V. Ứng dụng CNTT trong lĩnh vực**

***Về dịch vụ công trực tuyến***

1. Xin quý đơn vị vui lòng cung cấp một số thông tin về hiện trạng triển khai và cung cấp các dịch vụ công của ngành:

Tổng số dịch vụ công (số lượng thủ tục hành chính của cơ quan): …………………

Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, mức độ 2: ………………………………

Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: ………………………………………….

Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: …………………………………………

Tỷ lệ hồ sơ đã được giải quyết trực tuyến trong năm (%): ………………………….

Số lượng hồ sơ được giải quyết trực tuyến trong năm: ……………………………..

1. Quy mô, mức độ áp dụng dịch vụ công trực tuyến:
2. Chưa triển khai
3. Triển khai thí điểm trong nội bộ
4. Có triển khai dịch vụ công liên thông với các ngành khác
5. Các dịch vụ công mức độ 3,4 được quản lý tập trung toàn đô thị
6. Các dịch vụ công được phát triển, tích hợp trên nền tảng khung kiến trúc thống nhất toàn đô thị, có khả năng kết nối chia sẻ, đồng bộ dữ liệu

***Về các ứng dụng CNTT***

1. Quý đơn vị vui lòng cung cấp thông tin về các ứng dụng CNTT đã, đang, dự kiến triển khai hoặc có nhu cầu triển khai trong giai đoạn 2017 - 2025 theo bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên ứng dụng** | **Có/****Không** | **Nhà cung cấp** | **Số đơn vị trực thuộc triển khai** | **Cách thức triển khai**(Lựa chọn 1 trong các mục dưới) | **Hiện trạng sử dụng**(Lựa chọn 1 trong các mục dưới) | **Nhu cầu**  |
| **Tỉnh đầu** **tư** | **Ngành****dọc** **đầu** **tư** | **Tự****Trang bị** | **Rất tốt** | **Tốt** | **Chấp nhận được** | **Không đạt** | **Ngừng sử dụng** |
| Quản lý văn bản và hồ sơ công việc | x |  |  | x |  |  |  | x |  |  |  |  |
| Một cửa điện tử |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Cổng thông tin điện tử (Portal) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Quản lý tài sản |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Quản lý cán bộ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Quản lý thanh tra, khiếu nại, tố cáo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Quản lý thi đua khen thưởng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Quản lý đào tạo,chỉ đạo tuyến |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Thư điện tử |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Ứng dụng chữ ký số |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Quản lý khoa học - công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Quản lý kế toán - tài chính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hệ thống tổng hợp báo cáo thống kê |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Quản lý tội phạm, bản đồ tội phạm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Camera an ninh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| An ninh an toàn trên mạng xã hội, phương tiện truyền thông |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Ứng cứu khẩn cấp, điều phối lực lượng phản ứng nhanh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Các công cụ hỗ trợ tại hiện trường |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ………………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Khác (Vui lòng mô tả) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: Cột “Nhu cầu” ghi một trong các nội dung sau*

* *Xây dựng mới*
* *Nâng cấp/ sửa đổi*
* *Ngừng sử dụng*

1. Quý đơn vị vui lòng cung cấp số lượng camera an ninh do đơn vị quản lý phân theo từng quận, huyện, trong đó phân biệt số lượng camera do đơn vị lắp đặt và camera xã hội hoá?

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đơn vị lắp đặt | TP/ Thị xã/ Huyện | Số Camera | Lắp đặt mới | Xã hội hoá |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

1. Quý đơn vị vui lòng cung cấp số lượng camera giao thông do đơn vị quản lý theo từng quận huyện?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | TP/ Thị xã/ Huyện | Số camera giao thông |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |

1. Quý đơn vị vui lòng cho biết quy mô, mức độ áp dụng các ứng dụng đề cập ở trên:
2. Chưa triển khai
3. Triển khai thí điểm ứng dụng trong nội bộ đơn vị
4. Triển khai với sự tham gia của nhiều đơn vị trực thuộc
5. Triển khai, có tích hợp thông tin và sự phối hợp với các đơn vị, ngành khác trong đô thị
6. Các ứng dụng CNTT được quản lý tập trung, sử dụng thống nhất trong toàn bộ các đơn vị, cơ quan của đô thị
7. Các ứng dụng CNTT được phát triển, tích hợp trên nền tảng khung kiến trúc thống nhất toàn đô thị, có khả năng kết nối chia sẻ, đồng bộ dữ liệu

## **VI. Nguồn nhân lực CNTT, năng lực sử dụng CNTT của cán bộ và người dân**

1. Đối với chính quyền, xin vui lòng trả lời/cung cấp các thông tin sau liên quan đến nguồn nhân lực CNTT và năng lực sử dụng CNTT của cán bộ

20.1. Tỷ lệ nhân lực IT hiện có/nhu cầu cần có (%)?

21.2. Tỷ lệ cán bộ sử dụng thành thạo 100% các ứng dụng triển khai (%)?

22.3. Về các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

* 1. Hầu như chưa có
	2. Có một số chương trình gắn với việc triển khai ứng dụng mới
	3. Có các chương trình được lên kế hoạch định kỳ hàng năm
	4. Thường xuyên bổ sung các khóa đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện ngoài các chương trình theo kế hoạch
	5. Kết hợp linh hoạt nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện thực tế để các cán bộ có thể làm quen và thích ứng với bất kỳ công nghệ, ứng dụng nào
1. Năng lực sử dụng CNTT của người dân, doanh nghiệp

21.1. Tỷ lệ giao dịch người dân lựa chọn hình thức trực tuyến (mức 3,4)/tổng số giao dịch (tỷ lệ năm 2016, 2017)

21.2. Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng các hệ thống CNTT để giao tiếp với chính quyền (dịch vụ công, tạo tài khoản trên cổng thông tin, tải app di động, …) trên tổng số dân (tỷ lệ năm 2016, 2017)

## **VII. Một số thông tin khác**

1. Quý đơn vị vui lòng cung cấp một số văn bản liên quan đến báo cáo hiện trạng ngành, kế hoạch ngành giai đoạn từ 2018 – 2020 và các kế hoạch triển khai ứng dụng CNTT trong ngành trong giai đoạn này.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ký hiệu văn bản** | **Trích yếu nội dung** | **Liên kết (Link)** | **Ngày ban hành** |
|  | VD: Báo cáo Tổng kết hoạt động của ngành năm 2017 |  |  |
|  | Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin ngành năm 2018 |  |  |
|  | Kế hoạch ứng dụng CNTT trong ngành giai đoạn 2016-2020 (nếu có) |  |  |
|  |  |  |  |
|  | … |  |  |

1. Trong các mục tiêu và nhiệm vụ mà ngành đang thực hiện, vui lòng liệt kê các mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng nhất (tối đa là 5) có sắp xếp thứ tự ưu tiên

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục tiêu** | **STT** | **Nhiệm vụ** |
| 1 | Mục tiêu 1 | 1 | Nhiệm vụ 1 |
| 2 | … | 2 | … |
| 3 | … | 3 | … |
| 4 | … | 4 | … |
| 5 | … | 5 | … |

1. Nêu những khó khăn nào khác đang cản trở việc ứng dụng CNTT rộng rãi trong ngành?

❑Kinh phí đầu tư cho CNTT

❑Năng lực sử dụng CNTT của đội ngũ cán bộ và người dân

❑Các phần mềm thuộc nhiều nhà cung cấp khác nhau, khó khăn trong việc hỗ trợ kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng

❑Dữ liệu các phần mềm chưa liên thông, đồng bộ

❑Khác (vui lòng liệt kê)

…………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………..………..……………………………………………………………………………..

1. Xin vui lòng chia sẻ các ý kiến khác (về các nhu cầu, các ý tưởng, đề xuất ứng dụng CNTT trong hoạt động chuyên ngành, đề xuất triển khai, …) của Quý đơn vị

…………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………..………..……………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………..………..……………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………..………..……………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………..………..……………………………………………………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| **Người trả lời***(Ký và ghi rõ họ, tên)* | *...…….., ngày ..... tháng .... năm 2017***Thủ trưởng cơ quan***(Ký tên, đóng dấu)* |